UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**SỞ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Khánh Hòa, ngày 21 tháng 4 năm 2022*

# DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN 22-12

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 407 /QĐ-SYT ngày 21 / 4/ 2022 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện 22-12)*

| STT | STT theo TT43,21 | DANH MỤC KỸ THUẬT | TUYẾN HUYỆN |
|---|---|---|---|
| | | **I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC** | |
| | | **O. TIÊU HÓA** | |
| 1 | 351 | Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực | x |
| 2 | 352 | Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực | x |
| 3 | 353 | Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc | x |
| 4 | 354 | Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê tại đơn vị hồi sức tích cực | x |
| | | **II. NỘI KHOA** | |
| | | **Đ. TIÊU HÓA** | |
| 5 | 337 | Thụt thuốc qua đường hậu môn | x |
| 6 | 338 | Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng | x |
| 7 | 339 | Thụt tháo phân | x |
| | | **VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN** | |
| | | **A. KỸ THUẬT CHUNG** | |
| 8 | 6 | Thủy châm | x |
| 9 | 11 | Laser châm | x |
| | | **C. ĐIỆN MÃNG CHÂM** | |
| 10 | 115 | Điện mãng châm điều trị béo phì | x |
| 11 | 118 | Điện mãng châm điều trị sa dạ dày | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 12 | 119 | Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược | x |
| 13 | 124 | Điện mãng châm điều trị sa tử cung | x |
| 14 | 125 | Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh | x |
| 15 | 126 | Điện mãng châm điều trị đái dầm | x |
| 16 | 127 | Điện mãng châm điều trị thống kinh | x |
| 17 | 128 | Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt | x |
| 18 | 129 | Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình | x |
| 19 | 132 | Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp | x |
| 20 | 133 | Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên | x |
| 21 | 134 | Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa | x |
| 22 | 136 | Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn | x |
| 23 | 137 | Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V | x |
| 24 | 138 | Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống | x |
| 25 | 139 | Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não | x |
| 26 | 140 | Điện mãng châm điều trị khàn tiếng | x |
| 27 | 143 | Điện mãng châm điều trị đau hố mắt | x |
| 28 | 144 | Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc | x |
| 29 | 145 | Điện mãng châm điều trị giảm thị lực | x |
| 30 | 150 | Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài | x |
| 31 | 151 | Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang | x |
| 32 | 152 | Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa | x |
| 33 | 153 | Điện mãng châm điều trị đau răng | x |
| 34 | 154 | Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp | x |
| 35 | 156 | Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp | x |
| | | **D. ĐIỆN NHĨ CHÂM** | |
| 36 | 165 | Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp | x |
| 37 | 167 | Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa | x |
| 38 | 174 | Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo | x |
| 39 | 176 | Điện nhĩ châm điều trị béo phì | x |
| 40 | 181 | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em | x |
| 41 | 184 | Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 42 | 185 | Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang | x |
| 43 | 190 | Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ | x |
| 44 | 191 | Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung | x |
| 45 | 193 | Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn | x |
| 46 | 195 | Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống | x |
| 47 | 196 | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não | x |
| 48 | 198 | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi | x |
| 49 | 203 | Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt | x |
| 50 | 204 | Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc | x |
| 51 | 205 | Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp | x |
| 52 | 206 | Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực | x |
| 53 | 208 | Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài | x |
| 54 | 211 | Điện nhĩ châm điều trị đái dầm | x |
| 55 | 213 | Điện nhĩ châm điều trị đau răng | x |
| 56 | 215 | Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp | x |
| 57 | 216 | Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai | x |
| 58 | 217 | Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp | x |
| 59 | 221 | Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh | x |
| 60 | 222 | Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông | x |
| 61 | 224 | Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư | x |
| 62 | 225 | Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona | x |
| 63 | 226 | Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh | x |
| 64 | 227 | Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt | x |
| | | **Đ. CẤY CHỈ** | |
| 65 | 233 | Cấy chỉ điều trị mày đay | x |
| 66 | 234 | Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến | x |
| 67 | 235 | Cấy chỉ điều trị giảm thính lực | x |
| 68 | 270 | Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ | x |
| | | **E. ĐIỆN CHÂM** | |
| 69 | 284 | Điện châm điều trị trĩ | x |
| 70 | 291 | Điện châm điều trị viêm bàng quang | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 71 | 302 | Điện châm điều trị chắp lẹo | x |
| 72 | 304 | Điện châm điều trị viêm kết mạc | x |
| 73 | 305 | Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp | x |
| 74 | 309 | Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu | x |
| 75 | 312 | Điện châm điều trị đau răng | x |
| 76 | 320 | Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh | x |
| 77 | 321 | Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt | x |
| | | **G. THỦY CHÂM** | |
| 78 | 323 | Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu | x |
| 79 | 324 | Thuỷ châm điều trị mất ngủ | x |
| 80 | 325 | Thuỷ châm điều trị hội chứng stress | x |
| 81 | 326 | Thuỷ châm điều trị nấc | x |
| 82 | 327 | Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm | x |
| 83 | 331 | Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng | x |
| 84 | 332 | Thuỷ châm điều trị sa dạ dày | x |
| 85 | 334 | Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến | x |
| 86 | 335 | Thuỷ châm điều trị mày đay | x |
| 87 | 336 | Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng | x |
| 88 | 337 | Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược | x |
| 89 | 339 | Thuỷ châm điều trị giảm thính lực | x |
| 90 | 341 | Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em | x |
| 91 | 343 | Thuỷ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não | x |
| 92 | 345 | Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ | x |
| 93 | 346 | Thuỷ châm điều trị sa tử cung | x |
| 94 | 347 | Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh | x |
| 95 | 348 | Thuỷ châm điều trị thống kinh | x |
| 96 | 349 | Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt | x |
| 97 | 350 | Thuỷ châm điều trị đái dầm | x |
| 98 | 351 | Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình | x |
| 99 | 353 | Thuỷ châm điều trị hen phế quản | x |
| 100 | 354 | Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp | x |
| 101 | 355 | Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 102 | 358 | Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn | x |
| 103 | 363 | Thuỷ châm điều trị khàn tiếng | x |
| 104 | 371 | Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang | x |
| 105 | 372 | Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa | x |
| 106 | 373 | Thuỷ châm điều trị đau răng | x |
| 107 | 374 | Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài | x |
| 108 | 380 | Thuỷ châm điều trị đau hố mắt | x |
| 109 | 381 | Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp | x |
| 110 | 382 | Thuỷ châm điều trị lác cơ năng | x |
| 111 | 383 | Thuỷ châm điều trị giảm thị lực | x |
| 112 | 384 | Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang | x |
| 113 | 385 | Thuỷ châm điều trị di tinh | x |
| 114 | 386 | Thuỷ châm điều trị liệt dương | x |
| 115 | 387 | Thuỷ châm điều trị rối loạn tiểu tiện | x |
| 116 | 388 | Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng | x |
| | | **H. XOA BÓP BẤM HUYỆT** | |
| 117 | 394 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não | x |
| 118 | 398 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất | x |
| 119 | 399 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em | x |
| 120 | 401 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác | x |
| 121 | 406 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược | x |
| 122 | 412 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh | x |
| 123 | 413 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V | x |
| 124 | 416 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp | x |
| 125 | 417 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng | x |
| 126 | 418 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực | x |
| 127 | 420 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực | x |
| 128 | 421 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang | x |
| 129 | 422 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản | x |
| 130 | 423 | Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 131 | 424 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp | x |
| 132 | 425 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn | x |
| 133 | 426 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng | x |
| 134 | 427 | Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc | x |
| 135 | 433 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt | x |
| 136 | 435 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa | x |
| 137 | 436 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt | x |
| 138 | 437 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh | x |
| 139 | 438 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh | x |
| 140 | 439 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón | x |
| 141 | 440 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá | x |
| 142 | 442 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng | x |
| 143 | 443 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật | x |
| 144 | 444 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì | x |
| 145 | 447 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật | x |
| 146 | 448 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư | x |
| 147 | 449 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm | x |
| 148 | 450 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly | x |
| | | **I. CỨU** | |
| 149 | 452 | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn | x |
| 150 | 469 | Cứu điều trị sa tử cung thể hàn | x |
| 151 | 472 | Cứu điều trị đái dầm thể hàn | x |
| 152 | 474 | Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn | x |
| 153 | 475 | Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn | x |
| | | **L. KỸ THUẬT CHUNG** | |
| 154 | 483 | Xoa bóp bấm huyệt bằng tay | x |
| 155 | 485 | Giác hơi | x |
| | | **X. NGOẠI KHOA** | |
| | | **C. TIẾT NIỆU - SINH DỤC** | |
| | | **1. Thận** | |
| 156 | 318 | Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | **D. TIÊU HÓA** | |
| | | **2. Dạ dày** | |
| 157 | 453 | Nối vị tràng | x |
| | | **Đ. GAN - MẬT -TỤY** | |
| | | **1. Gan** | |
| 158 | 611 | Cắt chỏm nang gan | x |
| | | **XIV. MẮT** | |
| | | **1. Nội khoa** | |
| 159 | 288 | Test lẩy bì | x |
| 160 | 289 | Test nội bì | x |
| 161 | 290 | Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt | x |
| 162 | 291 | Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch | x |
| | | **XV. TAI MŨI HỌNG** | |
| | | **Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ** | |
| 163 | 363 | Cắt phanh lưỡi (gây mê) | x |
| 164 | 368 | Trích áp xe vùng đầu cổ | x |
| | | **XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG** | |
| | | **A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU** | |
| | | **(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)** | |
| 165 | 1 | Điều trị bằng sóng ngắn | x |
| 166 | 9 | Điều trị bằng sóng xung kích | x |
| 167 | 16 | Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng) | x |
| 168 | 17 | Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh) | x |
| | | **A. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU** | |
| | | **(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)** | |
| 169 | 41 | Tập đi với thanh song song | x |
| 170 | 42 | Tập đi với khung tập đi | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 171 | 43 | Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu) | x |
| 172 | 46 | Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill) | x |
| 173 | 49 | Tập đi với chân giả trên gối | x |
| 174 | 50 | Tập đi với chân giả dưới gối | x |
| 175 | 52 | Tập vận động thụ động | x |
| 176 | 58 | Tập vận động trên bóng | x |
| 177 | 60 | Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên | x |
| 178 | 61 | Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới | x |
| 179 | 62 | Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng | x |
| 180 | 63 | Tập với thang tường | x |
| 181 | 65 | Tập với ròng rọc | x |
| 182 | 66 | Tập với dụng cụ quay khớp vai | x |
| 183 | 68 | Tập thăng bằng với bàn bập bênh | x |
| 184 | 70 | Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi | x |
| 185 | 72 | Tập với bàn nghiêng | x |
| 186 | 73 | Tập các kiểu thở | x |
| 187 | 74 | Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer…) | x |
| 188 | 75 | Tập ho có trợ giúp | x |
| 189 | 76 | Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực | x |
| 190 | 77 | Kỹ thuật dẫn lưu tư thế | x |
| 191 | 82 | Kỹ thuật ức chế co cứng tay | x |
| 192 | 83 | Kỹ thuật ức chế co cứng chân | x |
| 193 | 84 | Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình | x |
| 194 | 85 | Kỹ thuật xoa bóp vùng | x |
| 195 | 86 | Kỹ thuật xoa bóp toàn thân | x |
| 196 | 88 | Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý | x |
| 197 | 89 | Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình | x |
| 198 | 90 | Tập điều hợp vận động | x |
| 199 | 91 | Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor) | x |
| | | **A. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU** | |
| | | **(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)** | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 200 | 92 | Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn | x |
| 201 | 93 | Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn | x |
| 202 | 94 | Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn | x |
| 203 | 95 | Tập các vận động thô của bàn tay | x |
| 204 | 96 | Tập các vận động khéo léo của bàn tay | x |
| 205 | 97 | Tập phối hợp hai tay | x |
| 206 | 98 | Tập phối hợp tay mắt | x |
| 207 | 99 | Tập phối hợp tay miệng | x |
| 208 | 101 | Tập điều hòa cảm giác | x |
| 209 | 102 | Tập tri giác và nhận thức | x |
| 210 | 103 | Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi | x |
| | | **Đ. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)** | |
| 211 | 112 | Lượng giá chức năng người khuyết tật | x |
| 212 | 113 | Lượng giá chức năng tim mạch | x |
| 213 | 114 | Lượng giá chức năng hô hấp | x |
| 214 | 115 | Lượng giá chức năng tâm lý | x |
| 215 | 116 | Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức | x |
| 216 | 117 | Lượng giá chức năng ngôn ngữ | x |
| 217 | 118 | Lượng giá chức năng dáng đi | x |
| 218 | 119 | Lượng giá chức năng thăng bằng | x |
| 219 | 120 | Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày | x |
| 220 | 123 | Đo tầm vận động khớp | x |
| 221 | 127 | Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi | x |
| 222 | 133 | Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống | x |
| 223 | 134 | Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống | x |
| 224 | 136 | Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti | x |
| 225 | 137 | Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng *(trong liệt tứ chi)* | x |
| 226 | 139 | Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 227 | 140 | Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới | x |
| | | **E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)** | |
| 228 | 141 | Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu | x |
| 229 | 142 | Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu | x |
| 230 | 143 | Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH) | x |
| 231 | 144 | Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng | x |
| 232 | 145 | Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối | x |
| 233 | 146 | Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối | x |
| 234 | 147 | Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực-thắt lưng TLSO *(điều trị cong vẹo cột sống)* | x |
| 235 | 149 | Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO | x |
| 236 | 150 | Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO | x |
| 237 | 151 | Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO | x |
| 238 | 152 | Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO | x |
| 239 | 153 | Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO | x |
| 240 | 154 | Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong | x |
| 241 | 155 | Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng | x |
| 242 | 156 | Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm | x |
| | | **H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)** | |
| 243 | 167 | Tập vận động cột sống | x |
| 244 | 169 | Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu | x |
| 245 | 170 | Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi) | x |
| 246 | 171 | Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi) | x |
| 247 | 172 | Tập dưỡng sinh | x |
| 248 | 176 | Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ | x |
| 249 | 177 | Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn) | x |
| 250 | 180 | Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã | x |
| 251 | 181 | Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà | x |
| 252 | 187 | Kỹ thuật tập đi trên thảm lăn (Treadmill) với nâng đỡ | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | một phần trọng lượng | |
| | | **L. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG** | |
| | | **(nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)** | |
| 253 | 219 | Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II | x |
| 254 | 220 | Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III | x |
| | | **N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)** | |
| 255 | 252 | Xoa bóp áp lực hơi | x |
| | | **XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG** | |
| | | **G. CƠ XƯƠNG KHỚP** | |
| 256 | 102 | Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA | x |
| | | **XXIII. HÓA SINH** | |
| | | **B. NƯỚC TIỂU** | |
| 257 | 199 | Định tính Porphyrin | x |
| | | **XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC** | |
| 258 | 1 | Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú | x |
| 259 | 15 | Chọc hút kim nhỏ các hạch | x |

**Tổng cộng: 259 kỹ thuật**

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH KHÁNH HÒA

**Lê Văn Khoa**